

HUỶNH VĂN ÚT*

NGHI LỄ PHẬT GIÁO TRONG THIỀN PHÁI LÂM TẾ GIA PHỔ

Tóm tắt: Nghi lễ Phật giáo nói chung, nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ nói riêng, từ xưa đã được chư vị Tổ sư vận dụng giáo lý Phật giáo một cách phong phú vào nền văn hóa Việt Nam. Căn cứ vào hoàn cảnh của con người Việt Nam, chư vị Tổ sư đã lập ra những lễ nghi phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc, nhằm phổ biến những bài kinh, câu kệ, đưa vào những giai điệu âm nhạc dân tộc với mục đích khai thị chứng sinh ngộ nhập Phật tri kiến; đồng thời, hình thành bộ môn nghi lễ có quy thức được phổ cập trong thiền phái, giúp cho sự ứng phó đạo tràng luôn hài hòa với đặc tính quần chúng, làm gắn bó thêm giữa đạo và đời. Nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ mang những nét đặc trưng chung của Phật giáo Bắc truyền, nhưng cũng có nét đặc trưng riêng. Bài viết trình bày nghi lễ của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ theo ba chủ đề: 1. Cấu trúc của nghi lễ; 2. Trình tự chung của nghi lễ và 3. Đặc trưng của nghi lễ.

Từ khóa: Phật giáo, Nghi lễ, Thiền phái Lâm Tế, Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ

Mở đầu

Thiền tông có nguồn gốc từ Ấn Độ, truyền bá sang Trung Quốc và phát triển thành năm thiền phái Vân Môn, Tào Động, Lâm Tế, Pháp Nhãn và Quy Nguơn. Nhưng chỉ có thiền phái Tào Động và Lâm Tế truyền vào đất Đàng Trong thời các chúa Nguyễn thế kỷ XVII. Tuy nhiên, ở vùng đất Nam Bộ chỉ có thiền phái Lâm Tế tiếp tục phát triển với sáu chi phái được truyền thừa theo các bài kệ truyền pháp riêng [Thích Đức Trường, 2022], đó là Lâm Tế Chánh Tông, Lâm Tế Gia Phổ, Lâm Tế Liễu Quán, Lâm Tế Thiên Thai, Lâm Tế Chúc Thánh và Thiên Thai Giáo Quán Tông. Cho đến thời điểm hiện tại, Lâm Tế Gia Phổ có ảnh hưởng rộng lớn ở khu vực Nam bộ, mang đặc trưng riêng trong phong cách tu tập và nghi lễ.

* Thích Thiện Huệ. Học viên Cao học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 15/6/2024; Ngày biên tập: 30/6/2024; Duyệt đăng: 8/7/2024.

Hiện nay, nghiên cứu về thiền phái Lâm Tế đã được đề cập trên nhiều phương diện, trong đó, tiêu biểu là các công trình nghiên cứu về lịch sử truyền thừa [Nguyễn Lang, 2000; Thích Mật Thể, 2004; Thích Thanh Kiểm, 1991; Nguyễn Hiền Đức, 1995,...], nghiên cứu về tư tưởng thiền học, phương pháp tu tập [Thích Trúc Thông Quảng, 2016; Đoàn Thị Thanh Dung, Trương Thị Việt Trinh, 2023...], nghiên cứu về ảnh hưởng của Thiền phái Lâm Tế trong đời sống người dân [Nguyễn Chí Trung, 2023; Thích Tâm Ý, 2022], hay nghiên cứu chuyên sâu về một dòng Thiền Lâm Tế¹ [Thích Đồng Bôn, Chu Văn Tuấn, 2023]; Thích Trúc Thông Quảng, 2016],... Bên cạnh đó, có một số công trình nghiên cứu về nghi lễ của Phật giáo nói chung và thiền phái Lâm Tế nói riêng [Thích Phước Trí, 2014; Thích Chơn Hỷ, 2014; Thích Huệ Minh, 2022],... Đặc biệt, Hội thảo “Kế thừa, bảo tồn và phát huy truyền thống nghi lễ Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập” do Viện Nghiên cứu Tôn giáo phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức (từ ngày 1-2 /7/2022) tại Hải Phòng, có chín chủ đề thảo luận với 43 tham luận đề cập đến các vấn đề như bảo tồn, phát huy đặc trưng nghi lễ các vùng miền, pháp phục, sự hành trì tu tập theo truyền thống nghi lễ Phật giáo Việt Nam, lễ nhạc trong nghi lễ,... Điều này cho thấy, tầm quan trọng của nghi lễ Phật giáo nói chung và nghi lễ của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ nói riêng. Tuy nhiên, nghiên cứu về nghi lễ Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ hiện nay còn rất hạn chế.

Nghi lễ Phật giáo đòi hỏi người thực hành nghi lễ phải tuân thủ nhiều bước (từ khâu chuẩn bị đến khi thực hành và kết thúc). Người thực hành nghi lễ phải đáp ứng những tiêu chí, chuẩn mực theo quy định,... Nói cách khác, người thực hành nghi lễ không chỉ có hiểu biết đầy đủ về nghi lễ Phật giáo mà còn phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được quy định. Thời gian của nghi lễ có thể diễn ra trong một ngày hoặc có thể kéo dài trong nhiều ngày tùy theo từng nghi lễ. Theo tác giả Thích Minh Quang, nghi lễ Phật giáo được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Hiểu theo nghĩa rộng, nghi lễ bao hàm nhiều yếu tố, như: lễ nghi (uy nghi, phép tắc, quy củ,...); lễ đường (chính điện, nhà Tổ, đàn tràng,...); lễ bái (lạy Phật, lễ Phật, dâng hương,...); lễ phục - pháp phục (giáo phục, thường phục của Tăng, ni); lễ tụng (đọc, tán, tụng, niệm, xướng,...); lễ khí - pháp khí (pháp khí hoặc pháp bảo như: chuông, mõ, khánh, mộc bản,... thuộc về nhạc). Bên cạnh đó, nội hàm nghi lễ Phật giáo còn bao trùm cả hành vi, thái độ, tín ngưỡng, văn hóa,... Theo nghĩa hẹp, nghi lễ được hiểu là các nghi thức lễ bái, tụng niệm, tôn thờ của một tôn giáo. Nghi lễ Phật giáo chủ yếu được thể hiện qua các nghi thức và hình thức như: lễ đường, lễ bái, lễ phục - pháp phục, lễ tụng, lễ

khí - pháp khí. Nét đặc trưng của nghi lễ Phật giáo Bắc truyền là Lễ thường đi với Nhạc và ở Việt Nam, nghi lễ Phật giáo chịu ảnh hưởng của Khổng giáo, Lão giáo và tín ngưỡng dân gian, văn hóa các vùng miền nên rất phong phú, đa dạng. [Thích Minh Quang, 2022].

Nghi lễ Phật giáo trong Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ mang nét đặc trưng riêng và hiện nay đang chịu tác động của quá trình đô thị hóa và hội nhập. Tác giả đã có những trải nghiệm thực hành nghi lễ vì là một tu sĩ thuộc thiên phái Lâm Tế Gia Phổ; đồng thời, tác giả cũng áp dụng các phương pháp điền dã nhân học để tìm hiểu, nghiên cứu sâu về về nghi lễ của Thiên phái này ở vùng đất Nam bộ. Theo đó, ngoài phần trình bày khái quát về thiên phái Lâm Tế Gia Phổ, bài viết tập trung làm rõ cấu trúc của nghi lễ; trình tự chung của nghi lễ và qua đó phân tích những đặc trưng của nghi lễ trong thiên phái Lâm Tế Gia Phổ ở Nam bộ đương đại.

1. Vài nét về Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ

Thiên tông Lâm Tế do Thiên sư Nghĩa Huyền (787 - 867) khai sáng vào thời Đường (618 - 907), hưng thịnh vào thời nhà Tống (960 - 1279) ở Trung Quốc và sau đó truyền sang Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam,...

Khi truyền đến Việt Nam vào thế kỷ XVII, Thiên phái Lâm Tế ở Đàng Trong xuất phát từ các nhà sư Trung Quốc như Mộc Trần Đạo Mân (1596 -1674) đời thứ 31, Khoáng Viên Bản Quả đời thứ 32, Nguyễn Thiệu Hoán Bích - Siêu Bạch Thọ Tông (1648- 1728) đời thứ 33. Trong lịch sử, Thiên phái Lâm Tế ở Đàng Trong gắn với quá trình truyền bá của Thiên sư Nguyễn Thiệu Hoán Bích. Vào đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 -1687), năm 1677, Thiên sư Nguyễn Thiệu cùng một số đệ tử theo thuyền buôn đến phủ Quy Ninh (tức Quy Nhơn) hành đạo. Ở đây, ông xây dựng chùa Thập Tháp Di Đà (1678-1683) rồi sau đó đến Thuận Hóa, xây dựng chùa Phổ Thành ở Hà Trung, trùng tu chùa Vĩnh Ân (sau đổi tên thành chùa Quốc Ân) ở Phú Xuân (Thành phố Huế). Đến đời chúa Nguyễn Phúc Thái (1687-1691), ông vâng lệnh chúa trở về Trung Hoa mời một số vị cao tăng đến Đàng Trong truyền đạo. Sau khi từ Trung Hoa trở lại Phú Xuân, ông được chúa Nguyễn hỗ trợ mở Đại giới đàn truyền giới cho một số nhà sư từ Trung Hoa mới sang, một số nhà sư trẻ và nhà sư thuộc các dòng Phật giáo đang ở Đàng Trong. Kể từ khi đó, ở Đàng Trong, hầu hết các chùa, tăng sĩ đều thuộc Thiên phái Lâm Tế.

Do những biến động về chính trị ở Nam Bộ thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), Thiên sư Nguyễn Thiệu rời Huế vào Đông Nai và xây dựng chùa Kim Cang để phát triển Phật pháp. Nhờ đó, Phật giáo

bắt đầu phát triển ở khu vực Đồng Nai, Gia Định rồi lan rộng khắp Nam Bộ. Nhiều ngôi chùa ở Đồng Nai đã được xây dựng và tu bổ để hoằng pháp như chùa Kim Cang, Bửu Phong, Đại Giác, Long Thiên, Hoàng Long, Hưng Long,...

Năm 1725, chúa Nguyễn Phúc Chu mất, chúa Nguyễn Phúc Chú/Trú (1725-1738) nắm quyền, đã tạo điều kiện cho Thiền sư Nguyên Thiều và các đệ tử mở rộng phạm vi hoằng pháp từ Đồng Nai lan tỏa khắp vùng sáu tỉnh ở Nam Bộ. Đây cũng là thời kỳ Thiền sư Nguyên Thiều có nhiều đệ tử danh tiếng như thiền sư Phật Ý Linh Nhạc, Phật Chiêu Linh Quang, Phật Chí Đức Hạnh, Thiệt Thoại Tánh Tường, Thiệt Thành Liễu Đạt,... Nhiều chùa được ông và các đệ tử xây dựng, tiêu biểu như chùa Từ Ân, Khải Tường, Giác Lâm, Long Thạnh ở Gia Định; chùa Phước Tường, Long Nhiều, Hoa Nghiêm ở Thủ Đức) chùa Hội Tôn ở Bến Tre; chùa Đức Lâm ở Định Tường,... [Nguyễn Hiền Đức, 1995: 134, 142]

Khi hoằng pháp ở Nam Bộ, Thiền sư Nguyên Thiều truyền thừa phú pháp theo dòng kệ “Đạo Bản Nguyên Thành” và “Tổ Đạo Giới Định Tông”. Có hai bài kệ, bài kệ thứ nhất: “Đạo Bản Nguyên Thành Phật Tổ Tiên, Minh Như Cáo Nhật Lệ Trung Thiên, Linh Nguyên Quảng Nhuận Từ Phong Phổ, Chiêu Thế Chân Đăng Vạn Cổ Huyền” và bài kệ thứ hai: “Tổ Đạo Giới Định Tông, Phương Quảng Chứng Viên Thông, Hành Siêu Minh Thực Tế, Liễu Đạt Ngộ Chân Không” [Phan Trương Quốc Trung, Nguyễn Hữu Sử, 2017]. Như vậy, Lâm Tế Gia Phổ là một dòng thuộc Thiền phái Lâm Tế, lấy bài kệ của Thiền sư Đạo Mân Mộc Trần làm phổ hệ truyền thừa, và bài kệ này cũng để phân biệt với các dòng phái khác thuộc Thiền phái Lâm Tế.

2. Cấu trúc và trình tự nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ

2.1. Cấu trúc nghi lễ

Về cấu trúc nghi lễ, cũng giống như nghi lễ Phật giáo nói chung, nghi lễ của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ gồm ba thành phần: *chủ thể* (người thực hành nghi lễ), *khách thể của nghi lễ* và *nội dung nghi lễ*.

2.1.1. *Chủ thể của nghi lễ*: gồm những người thực hành nghi lễ, người truyền bá nghi lễ và người vừa thực hành, vừa truyền bá nghi lễ. Trong đó, người thực hành nghi lễ cần hội đủ ít nhất ba phẩm chất:

Thứ nhất, người thực hành nghi lễ cần có thanh văn, tướng trang nghiêm: Kinh Hoa Nghiêm cho biết: “Cụ túc thọ trì, oai nghi giáo pháp, năng linh Tam bửu bất đoan thị dã” (Giữ gìn đầy đủ uy nghi và

siêng năng thực hành theo lời Phật dạy, khiến cho ngôi Tam bảo không bị đoạn diệt) [Kinh Hoa Nghiêm phẩm 18: Minh Pháp]. Có thể thấy, nghi lễ Phật giáo không chỉ đơn thuần là phương tiện thể hiện niềm tin của người thực hành, mà rộng hơn, chính là sự trau dồi giới đức, tu sửa Tam nghiệp (thân - khẩu - ý), khiến cho hành vi, ngôn ngữ, thái độ, tác phong trở nên chuẩn mực, phù hợp với phép tắc và quy củ của Thiền gia. Chính vì vậy, các tăng, ni Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ rất quan tâm đến việc giáo dục các thế hệ đệ tử về việc trau dồi, tu tập phẩm hạnh. Tại các buổi sinh hoạt sơn môn, hay trong các ngày kỵ húy ở các tổ đình, thế hệ thiền sư đi trước thường nhắc nhở đệ tử trong thiền phái của mình về nguồn gốc tổ tông thiền phái, về đức hạnh của người tu sĩ Phật giáo. Bên cạnh đó, các thiền sư cũng luôn căn dặn đệ tử phải có oai nghi, tế hạnh và gìn giữ giới luật thanh tịnh qua công phu tu tập được thể hiện ra hình thức bên ngoài, đó là sự tôn nghiêm, trang nghiêm để mọi người kính nể. *Sa di luật* chép: "Vị hữu uy khả úy, hữu nghi khả kính, nội hoài sư tử chi đức, ngoại hiện tượng vương chi oai". Nghĩa là, có uy đáng sợ, có nghi đáng kính, trong chứa cái đức uy hùng như sư tử, ngoài có dáng chững chạc như tượng vương [*Sa - Di Luật Giải Thượng - Hạ*, 1970].

Thứ hai, người thực hành nghi lễ cần có chiều sâu tu tập tâm linh: Nghi lễ không phải là sự thực hành các nghi thức thông thường có thể học hay bắt chước được, mà nghi lễ là sự chuyên tải, cụ thể hóa giáo lý, giáo luật của Phật giáo. Những lời xướng, tán, tụng sử dụng trong nghi lễ đều dựa theo kinh điển Phật giáo, qua sự chọn lọc nội dung căn bản, dễ hiểu. *Nghi lễ không chỉ dừng ở ý nghĩa phương tiện đưa người vào đạo mà còn là một pháp môn tu tập, thể nhập chân như bằng sự rung cảm của tâm linh.* Chính vì vậy, người thực hành nghi lễ Phật giáo nói chung, của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ nói riêng cần có một chiều sâu nhất định về quá trình tu tập. Chiều sâu đó có được là quá trình dài ngày đêm, công phu tu tập, tích lũy, thẩm thấu giáo pháp. Bởi, chỉ có hiểu sâu sắc về Phật giáo, mới có thể hướng dẫn cho người khác hiểu và đi đúng chính pháp. Nếu không hiểu sâu sắc về Phật giáo, không có chiều sâu trong quá trình tu tập, người thực hành nghi lễ sẽ rất dễ đi sai đường. Thấu hiểu được điều này, và sự cần thiết của quá trình tu học, trang bị kiến thức Phật học cho tăng, ni của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ, các tổ đình lớn đều khuyến khích các đệ tử tham gia các lớp Phật học tại các cơ sở đào tạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và các cơ sở đào tạo Phật học ở nước ngoài. Ngoài ra, các tổ

đình còn tạo điều kiện cho tăng, ni tham gia các lớp học thể học nhằm nâng cao trình độ phục vụ, hỗ trợ cho công tác Phật sự.

Trong thực tế, ngoài việc trang bị kiến thức Phật học tại các cơ sở đào tạo thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam hay các lớp thể học, Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ đặc biệt chú trọng tu học, thực hành theo thanh quy, gia phong thiền phái. Đây là gốc rễ và truyền thống của thiền phái Lâm Tế Gia Phổ nhằm hun đúc trong tâm mỗi người đệ tử trong quá trình tu học của mình luôn ý thức được về cội nguồn. Tại các chùa thuộc Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ, khi thu nạp, một đệ tử mới sẽ được sư phụ của mình hướng dẫn, dìu dắt, chỉ bảo từ những việc nhỏ nhất trong đời sống tu hành: tác phong trong sinh hoạt hằng ngày (ăn, mặc, nói năng, đứng, ngồi,...), hướng dẫn đọc kinh sách, hướng dẫn các công việc thường ngày ở chùa như tụng kinh, niệm Phật, sắp lễ cúng Phật,... đến các việc lớn hơn, từng bước, từng bước thực hiện theo đúng với Thiền phái. Đối với nghi lễ, vị đệ tử sẽ được theo sư phụ của mình tham gia các nghi lễ, học từng các kỹ năng nhỏ trong thực hành nghi lễ: sắp lễ, cắm hoa, đánh trống, gõ mõ, thỉnh chuông,... và mỗi kỹ năng còn được sư phụ giảng về nguồn gốc, ý nghĩa, vai trò, cách thực hiện kỹ năng đó. Thậm chí, có vị đệ tử ba năm ở chùa chỉ học đánh chuông sao cho đúng, tiếng chuông sao cho ngân nga, bay bổng. Theo lịch, vào buổi sáng, các đệ tử phải dậy sớm tụng kinh thời sáng, chiều phải ngay ngắn tụng khóa chiều đúng giờ. Các đệ tử phải học cẩn thận, công phu mới mong sau này thực hành, tu tập đúng chính pháp.

Thứ ba, người thực hành nghi lễ Phật giáo phải có thẩm quyền về nghi lễ: Nghi lễ Phật giáo không phải tùy tiện thực hành. Người thực hành nghi lễ Phật giáo cần có thẩm quyền về nghi lễ, bởi, nghi lễ là những nghi thức khuôn mẫu bên ngoài để tỏ lòng tôn kính trong tâm. Do đó, một người học và biết cung cách khi làm lễ, học và biết tán tụng các bài pháp ngữ trong nghi thức, được xem là người biết hành trì nghi lễ. Nhưng, nếu người đó thiếu phần oai nghi phẩm hạnh từ trong, được xem là không biết thực hành nghi lễ, chưa được gọi là hành trì nghi lễ đúng pháp. Hơn nữa, nghi lễ là do sự truyền thừa từ sư phụ cho đệ tử, nên chỉ khi nào được sự đồng ý của sư phụ, đệ tử mới được phép hành lễ. Thông thường, đệ tử phải học và tu ít nhất là sáu đến bảy năm dưới sự giám sát của sư phụ.

2.1.2. Khách thể của nghi lễ: Khách thể của nghi lễ chính là đối tượng tham gia nghi lễ, là những người có nhu cầu về nghi lễ. Đó là tất cả những người trong giới xuất gia, tại gia, Phật tử và không phải Phật tử.

Đối với tín đồ Phật giáo, nghi lễ có vai trò quan trọng trong đời sống tu trì, đó là phương thức để người tín đồ bày tỏ niềm tin, lòng thành kính của mình đối với Đức Phật, chính pháp và chúng tăng. Nghi lễ là phương tiện đắc lực để dẫn dắt con người vào đạo. Thông qua hình thức của nghi lễ sẽ chuyển tải nội dung giáo lý Phật giáo, đưa Phật giáo đến gần hơn với quần chúng nhân dân.

Thực tế hiện nay, tại các chùa thuộc Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ ở Nam Bộ cho thấy, số lượng Phật tử đến chùa quy y Tam bảo, trở thành tín đồ của Phật giáo ít hơn rất nhiều số người đến chùa tham gia các nghi lễ Phật giáo. Đặc biệt, các nghi lễ lớn của Phật giáo như Phật đản, Vu lan, hay lễ cầu An,... thường được tổ chức đầu năm, cầu siêu hay được tổ chức vào các dịp như tháng 7 Âm lịch, hoặc dịp cuối năm. Điều đó cho thấy, nhu cầu nghi lễ là rất lớn, đối tượng tham dự nghi lễ có cả những người không phải là Phật tử. Tại chùa Kim Cang (tỉnh Đồng Nai), chùa Long Thắng (thành phố Cần Thơ), lễ Phật Đản, lễ Cầu an, lễ Vu lan hằng năm có đến hàng ngàn người tham dự. Theo nghiên cứu, có những người chỉ đến chùa hằng năm vào các dịp lễ chính như: lễ Phật đản, lễ Vu lan, lễ Cầu an, Cầu siêu. Bản thân họ chưa từng làm lễ quy y Tam bảo, lại có nhiều người dân không bao giờ đi chùa, nhưng khi ông, bà, cha mẹ qua đời, trong gia đình lại muốn nhờ Sư Thầy đến giúp đỡ, trợ duyên lễ tang, từ đó họ mới bắt đầu đi chùa, quy y, trở thành người tín đồ Phật giáo.

Chức năng của nghi lễ Phật giáo là đáp ứng nhu cầu về mặt tinh thần của những đối tượng mà nghi lễ hướng đến. Vì thế, nghi lễ là cầu nối, là phương thức để thực hiện chức năng đó. Khi tham gia và được hướng dẫn thực hành nghi lễ, Phật tử hay người dự lễ sẽ thấy như có “sợi dây vô hình” kết nối giữa thế giới trần tục và thế giới tâm linh. Không chỉ vậy, người tín đồ thông qua việc thực hành nghi lễ còn được thỏa mãn nhu cầu thể hiện tình cảm, sự kính trọng, niềm tin tôn giáo của mình với đức Phật, các vị Bồ tát và với giáo lý của Phật giáo. Một Phật tử chia sẻ: “Con rất thường xuyên tham dự các nghi lễ Phật giáo ở chùa. Cầu mong đức Phật phù hộ, độ trì cho gia đình luôn được mạnh khỏe, bình an, công việc hanh thông. Mẹ con còn đến chùa thường xuyên làm công quả. Nghe sư thầy tụng kinh hằng ngày bà nói thấy trong người nhẹ nhõm, vui khỏe như được Phật phù hộ” (Pvs. Nữ Phật tử HQV 34 tuổi, chùa Long Thắng, phường Thuận Hưng, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, tháng 3/2024).

2.1.3. Nội dung nghi lễ: Nghi lễ Phật giáo Bắc truyền là lễ thường đi với nhạc và nghi lễ Phật giáo của Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ gồm hai phần: Nghi thức và Lễ nhạc.

Nghi thức bao gồm:

Lễ tụng: bao gồm đọc, tụng, tán, xướng, kệ,... tuy nhiên, lễ tụng cũng cần đúng quy định. Trong sách Pháp Uyển có viết: *Kẻ đạo, người tục tụng kinh, trì chú không được công hiệu hoặc vì văn tự thiếu sót, hoặc tiếng đọc không đúng* [Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, 2011]. Trong nghi thức lễ tụng Phật giáo thường sử dụng thanh âm trầm ấm, tức là một làn hơi trầm ấm, nhịp nhàng với âm điệu giải thoát, khiến người tụng và người nghe đều tĩnh ngộ, an lạc, hướng thiện; sử dụng hai thanh giọng là “Thiên” và “Ai”. Giọng thiên thường được sử dụng trong khi tụng kinh, bái sám, cầu an,...; giọng Ai thường được sử dụng trong khi cầu siêu, than vong,...

Sách *Minh tâm bảo giám* cũng đã ghi lại: Tụng (khán) kinh giá, minh Phật chỉ lý [Tạ Thanh Bạch dịch chú, 1998]. Tụng kinh là để thấu hiểu lời Phật dạy và áp dụng vào đời sống thường nhật, niệm Phật là để cảm niệm, tri ân tới ân đức của Đức Phật. Niệm Phật có công năng lớn như Thiền sư Lâm Tế Nghĩa Huyền từng nói: Mỗi một niệm của các người mà biết cách bẻ gãy xiềng xích, được giải thoát trong mọi thời, đó là đang tâm nhập vào chánh định của Quán Thế Âm [Lâm Tế Ngũ Lục: Phần 3]. *Xướng* thường là những câu hát to lên giáo đầu các bài tụng. Có khi dùng để tuyên dương những lời nguyện [Thích Minh Quang, 2022].

Tán: (tán than, tán dương hay xưng tán), bao gồm: tán ca, tạ tụng, tán đầu vừa đánh tan (đầu) vừa đọc bài tán, tán mõ, tán khánh, tán trống,... với ý nghĩa xưng danh ca ngợi đức tướng trang nghiêm, thâm ân giáo hóa, hạnh nguyện cao sâu của chư Phật, Chư vị Bồ Tát và các bậc tiên nhân đạo cao đức trọng, hành trạng phi phàm, cốt để tri ân báo ân hay tri ân ôn cố, lập hạnh cho mình.

Tụng: (phúng tụng, tụng niệm). Tụng là đọc tụng, phúng tụng có âm điệu bông trầm đây thiện vị; Niệm là suy nghĩ nhớ tưởng. Tụng niệm là miệng đọc tụng, tâm nhớ nghĩ; Tâm miệng hợp nhất chú định vào lời kinh tiếng pháp, hiển lý: Thân hành Phật hạnh, khẩu tụng Phật ngôn, ý niệm Phật ý (thân thực hành theo hạnh của chư Phật, miệng tụng lời Phật dạy và tâm ý suy nghĩ như ý nghĩa của Phật). Từ đó dẫn ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh. Tam nghiệp hằng thanh tịnh thì sự tụng niệm sẽ đem lại an lạc. Trong Tựa đề Kinh Nhật Tụng có ghi về lợi ích của tụng niệm.

Thỉnh: bao gồm kính thỉnh, phụng thỉnh, cung thỉnh, cầu thỉnh và mời thỉnh. Theo quan niệm dân gian của người Việt: Tình thương và kính thuận là sức sống duy nhất của con người; Thi ân và báo ân là

bổn phận cao cả nhất của đạo làm người. Vì vậy, sự cung kính, mời thỉnh,... Vì vậy, sự cung kính, mời thỉnh qua lại là lễ đạo phải làm và khi chết chưa phải là hết, ngoài thế giới hiện tượng vật chất hữu hình còn có vũ trụ vô hình, cảnh giới siêu nhân, nên khi thực hành nghi lễ cúng tế với tất cả lòng thành cung kính thỉnh mời các bậc Thánh hiền, Tổ đức, Gia tiên sẽ về chứng minh, gia hộ hoặc tiếp độ.

Vịnh - Bạch: Bạch là thưa, lời bày tỏ với người trên trước. Vịnh là ngâm, đọc, làm thơ nói về phong cảnh (cảnh gió mát trăng thanh, tiêu dao ngoạn mục nào đó) hành trạng (các bậc vĩ nhân, đáng siêu phàm) để tán dương, nguyện thỉnh. Trong nghi lễ Phật giáo, thường gặp các bài Vịnh - Bạch (như Vịnh bạch Bồ Tát Quan Thế âm, Bồ Tát Phổ Hiền,...).

Bái lạy: Gồm các nghi thức như: lạy Phật, lễ Phật, dâng hương,... Bái lạy thể hiện lòng tôn kính với Đức Thế Tôn và thể hiện sự khiêm tốn, khiêm cung của người hành giả. Mặt khác, bái lạy giúp người hành giả tăng trưởng thiện pháp và thể nhập Phật tính. Có nhiều cách lạy của người Phật tử như lễ bái bằng cách cúi đầu xuống; lễ bái bằng cách quỳ gối, cúi người; lễ bái bằng cách giơ tay cao vái chào; lễ vái bằng cách hai tay và hai đầu gối quỳ sát đất.

Lễ nhạc: là sự kết hợp hài hòa các âm thanh thiên vị trong nghi lễ. Phật giáo có nhiều lễ khí khác nhau, như: chuông, mõ, trống, khánh, mộc bản,... Nhạc trong Phật giáo với mục đích là để tán tụng, ngợi ca công đức của Đức Phật, đồng thời là để chuyển hóa tâm thức của người nghe. Nhạc thường hài hòa với âm thanh, ví như lời tụng kinh luôn hòa nhịp với tiếng chuông mõ, lời tán luôn hòa với nhịp trống, tang, đầu...

Lễ nhạc của nghi lễ Phật giáo trong Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ mang đậm dấu ấn văn hóa nghệ thuật âm nhạc dân gian Nam Bộ. Một ban nhạc lễ Nam Bộ trong khóa lễ Phật giáo cổ truyền có từ ba đến năm nhạc công gọi là Ngũ nhạc và ngoài các nhạc cụ điển hình của nghi lễ Phật giáo nói chung còn có các nhạc cụ dân tộc đặc trưng của miền Nam như: bồng, mõ sùng trâu, sanh, chập bạt, đầu, phệt, đồ đường, trống chiến, kèn thau, kèn đại, đàn cò, đàn sến, đàn bầu, đàn gáo,...

Lễ nhạc trong nghi lễ Phật giáo không đơn thuần chỉ là sự hòa hợp âm thanh để làm hay, sinh động, tạo nên sức chú ý và cuốn hút của nghi lễ mà mỗi âm thanh được tạo ra đều mang ý nghĩa về mặt tinh thần, giá trị Phật giáo. Để làm rõ hơn ý nghĩa của lễ nhạc Phật giáo, bài viết sẽ trình bày ý nghĩa đánh một loại nhạc cụ điển hình của Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ ở miền Nam (nơi tác giả tu hành) với số lượng âm thanh cụ thể phát ra và so sánh với cách đánh loại nhạc cụ

này trong nghi lễ Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ ở miền Trung nhằm chỉ ra sự phong phú, khác biệt về lễ nhạc ngay trong cùng một thiền phái:

Bảng 1: So sánh cách đánh chuông - mõ của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ ở miền Nam với Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ ở miền Trung

Loại nhạc cụ	Cách đánh ở miền Nam	Ý nghĩa	So sánh với nghi lễ miền Trung
Đánh chuông - mõ:	Tiên khởi nhị Thứ đã tam Kê lô thất Trung đã bát Hậu diệt tứ (<i>Trước chập hai</i>) <i>Tiếp đánh ba</i> <i>Kế đánh bảy</i> <i>Giữa đánh tám</i> <i>Sau dứt bốn</i>)	+ Tiên khởi nhị (<i>trước chập hai</i>): Ý nói đây là phương tiện pháp môn nhưng người hành lễ phải quán triết “ <i>Quyền Thật Song Hành</i> ” từ quyền giáo phương tiện này mở bày, khai ngộ “ <i>Thật Tướng Chân Như</i> ” của các pháp như người muốn qua sông tạm mượn thuyền bè. + Thứ đã tam (<i>Tiếp đánh ba</i>): Tiêu biểu cho Tam bảo (Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo) mà người học Phật phải quy hướng, phải diệt trừ kỳ được Tam độc (Tham lam, Sân hận, Si mê), thoát ly ba đường (Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh), tu pháp Tam thừa (Thịnh văn, Duyên giác và Bồ tát) thành tựu Tam đức (Pháp thân, Bát nhã và Giải thoát đức). + Kế lô thất (<i>Kế đánh bảy</i>): Ý nói hành giả khi thực hành nghi lễ phải thoát ly phiền não, thất tình (Hỷ - nộ - ái - ô - ai - lạc - dục; mừng - giận - ghét - yêu - buồn - vui - muốn) để đắc Thất Thánh Tài (Tín - giới - tâm - quý - đa văn - trí huệ và xã ly; lòng chánh tín - giới hạnh thanh tịnh - biết hổ thẹn - nghe nhiều - hiểu rộng và giải thoát) của hàng Thành giả. + Trung đã bát (<i>Giữa đánh tám</i>): Tiêu biểu cho tám	Tiên khởi tam Thứ lô thất Tịnh đã tam Trung đã thập Hậu diệt tứ. Nhân xét: Những điểm tương đồng về cách đánh chuông mõ thì ý nghĩa cũng giống nhau, chỉ khác biệt ở chỗ: Trung đã bát - giữa đánh tám (ở Miền Nam) và Trung đã thập - giữa đánh mười (ở Miền Trung), mang ý nghĩa như sau: Trung đã thập (<i>giữa đánh mười</i>): Là để tiêu trừ mười ác nghiệp nơi Thân, Khẩu, Ý (Thân tam: sát sanh, trộm cướp, tà dâm; Khẩu tứ: Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, và ý ngữ; Ý tam: Tham lam, sân hận và si mê) để chứng mười thân phần của Phật (Bồ Đề Thân, Nguyên Hạnh Thân, Ứng Hóa Thân, Diệu Lực Thân, Trang Nghiêm Thân, Oai Thế Thân, Ý Sanh Thân, Phước Đức Thân, Trí Huệ Thân và Pháp Sanh Thân).

	<p>Thức Tâm Vương (Nhân, Nhi, Tỳ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt Na và Alava Thức) của mỗi con người chúng ta, khi thực hành pháp Phật với tâm niệm luôn trở về với con đường Thánh đạo Tám ngành (Chánh kiến, Chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, Chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định).</p> <p>+ Hậu diệt tứ (<i>Sau dứt bốn</i>): Thoát ly tứ tướng (sanh, lão, bệnh, tử) thành tựu tứ trí (Thành sở tác, Diệu quan sát, Bình đẳng tánh và Đại viên cảnh trí).</p>	
--	---	--

Nguồn: Thích Trí Giác (1972).

Lễ đường: là nơi thờ tự như chính điện, nhà Tổ, đàn tràng,...

Những tự viện của dòng Lâm Tế Gia Phổ điển hình với những đặc trưng của thiền phái như nhà thờ Tổ là nơi thờ các vị tổ sư của thiền phái như Thiền sư Nguyên Thiệu, thiền sư Thành Đăng, thiền sư Tiên Giác,... thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, hiểu được nghi lễ Phật giáo cốt ở trang nghiêm, thành kính. Chính vì vậy, tại các tự viện thuộc Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ đều quán triệt các hàng đệ tử nói truyền về cốt yếu của nghi lễ, do vậy, việc trang trí điện đường hoặc đàn tràng không nhất thiết phải quá rườm rà, lãng phí. Nghi lễ Phật giáo chủ yếu được thể hiện ở sự trang nghiêm, thành kính và nhất tâm, do vậy, việc trang trí điện đường, đàn tràng sao cho hài hòa, phù hợp và có thẩm mỹ sẽ khiến cho chúng ta cảm thấy tâm được thư thái, an lạc, hoan hỷ.

Pháp phục: Pháp phục nghi lễ còn gọi là lễ phục, là những loại trang phục mặc bên ngoài khi thực hiện nghi lễ. Một số loại pháp phục các tăng, ni dòng thiền Lâm Tế Gia Phổ sử dụng trong khi hành lễ là Ngũ y, Thất y, Đại y, đều màu vàng sậm (màu phàn tảo).

Ngũ y (còn gọi là Y ngũ điều, nhũn nhục y), có nghĩa là trau dồi tính nhũn nhục của thân, ngũ, ý, để hàng phục tham, sân, si, được ghép từ mười tám vải với năm đường may dọc dài tượng trưng cho năm điều. Mỗi điều lại chia thành hai ô, một ô ngắn và một ô dài; trong đó ô ngắn biểu thị cho chất phàm, ô dài biểu thị cho chất Phật.

Thất y (còn gọi là *Y thất điều*, *Nhập chúng y*), *đắp y* này để lạy Phật, để sám hối các tội lỗi, để tụng kinh, ngồi thiền, thọ trai, nghe kinh, làm lễ Tứ tử, làm lễ Bồ tát. *Y* này có bảy điều gồm 21 tấm ghép lại, trong mỗi điều được chia làm ba, với hai ô dài và một ô ngắn. Khi *đắp y*, phải quán niệm bài kệ: “Thiện tai giải thoát phục/ Vô thượng phước điền y/ Ngã kim đánh đỏi thọ/ Thế thế thường đắc phi/ Ân độ ba độ ba sa ha”.

Đại y (*Hiệp y*), có nghĩa là cắt rọc từng miếng rồi hợp lại may thành *y*. *Trùng y* là may chồng nhiều lớp vải bị cắt lên nhau.

2.2. *Trình tự của nghi lễ*

Thông thường một nghi lễ của Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ thường diễn ra theo trình tự chung: Tham lễ Tam bảo - Khai - tụng kinh - Hồi hướng - Tụ Quy y, cụ thể như sau:

2.2.1. *Tham lễ Tam bảo gồm*

Nguyện hương: Nguyện cầu dâng hương cúng Phật, khi đốt hương đèn, có những câu mật ngữ như: Chú đốt đèn, đốt hương, tịnh Pháp giới, Tịnh tam nghiệp,... với khói hương quyện tỏa đàn tràng khiến cho chương khí tiêm tiêu, diệu nghiêm bảo điện. Hơn nữa về mặt Lý, bằng giới, định, huệ, giải thoát. Giải thoát tri kiến hương (tức Ngũ phần hương) của hành giả dâng lên cúng dường mười phương Chư thánh hiền thể hiện qua lòng chí thành, chí kính, quan sát, tu tập, dẫn đến thành tựu Ngũ phần pháp thân.

Tham lễ Phật là cung kính lạy Đức Phật, học hỏi đức tính cao siêu. Vấn đề thờ Phật, lễ Phật, cúng Phật được khởi xướng do Ưu Điền Vương vì quá thương kính Phật, trong thời gian ba tháng Phật thuyết pháp nơi cung Trời Đạo Lợi, vua đã sai người tạc tượng Phật để thờ lễ cúng.

2.2.2. *Khai - tụng kinh* (khai diễn tuyên bày đọc tụng Pháp bảo). Phần mở đầu của Khóa Kinh gồm các bài tán dương công đức Tam bảo, tụng thỉnh Tam bảo cùng các vị Hộ Pháp Vi Đà, Hộ Giáo Già Lam,... chứng minh, rồi sau đó mới tụng kinh (tùy theo buổi lễ). Điều cần lưu ý trước khi Khai – tụng kinh là những lễ Kỳ phước, Kỳ bệnh, Kỳ an, Kỳ siêu hay cúng Phật. Trước Tam bảo trước khi khai kinh phải tán (hoặc đọc, tụng) một bài gì có ý nghĩa “cúng hương” và cuối bài với câu Hương Vân Cái hoặc Hương Cúng Dường như tán bài (tùy chọn một bài):

Lư hương sạ nhiệt pháp giới mông huân...

Giới hương định hương dữ huệ hương...

Hương vân nhi bố Thánh đức chiêu chương

Hương tài nhiệt lư phần bảo đánh trung...

Tâm nhiên ngũ phận phổ biến thập phương.

Còn như Lễ An vị, Khánh thành, Nhập quan, Hạ khoán,... thì phải khởi tán một bài gì có ý nghĩa “Cam Lộ Sái Tịnh”, cuối bài phải có câu Cam Lộ Vương hoặc Thanh Lương Địa như tán bài.

Dương Chi tịnh thủy biến sái tam thiên...

Tào Khê thủy nhất phải hướng đông lưu

Điều thiên ngọc lộ giác hải kim ba,...

2.2.3. *Hồi hướng* gồm Thập hồi hướng theo *kinh Hoa Nghiêm*. Hồi hướng Thập thiện là thân, khẩu, ý (thân ba, khẩu tứ, ý ba) trong *kinh Hoa Nghiêm* thường nhắc đến nhiều hơn và *kinh Hoa Nghiêm* là Pháp môn ứng phó đạo tràng về cúng thí các lễ mà Đức Phật đã nói và dạy hành trì. Nhưng ở đây chúng tôi nhận thấy không ngoài ba phần chủ yếu, được gọi là Tam Hồi hướng:

Hồi hướng vô thượng Bồ Đề

Hồi hướng Pháp giới chúng Sinh

Hồi hướng chân như thật tướng

Trong các chùa thuộc Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ hàng ngày đều thực hiện các thời lễ: nghi thức công phu khuya, nghi thức cúng Ngọ, nghi thức Quá đường, nghi thức công phu chiều:

Nghi thức công phu khuya: được thực hiện vào lúc 4 giờ khuya, tất cả đại chúng trong chùa vân tập cúng nước ở các ban thờ và thực hiện nghi thức tụng chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, Thập chú, Bát Nhã tâm kinh, tụng sám Quy mạng, sám Phổ Hiền và tán lễ Phật tại chính điện có sử dụng đến chuông, mõ, khánh, tiểu chung, bản, đại hồng chung và trống công phu. Khi tụng những câu kinh, bài chú nhịp nhàng hòa với tiếng mõ, tiếng chuông, những điệu tán với trống vang lên trong đêm sẽ giúp người công phu cảm nhận được sự thanh tịnh ở thân và tâm, dễ thâm nhập từng câu chữ trong kinh để thấu hiểu những lời dạy của đức Phật. Ngoài ra, khi hành trì người công phu phải tưởng nhớ đến ơn của chư Phật và hồi hướng công đức đến khắp tất cả chúng sinh, như vậy không phải chỉ tu cho chính mình mà còn làm lợi lạc cho chúng sinh.

Nghi thức cúng Ngọ: được thực hiện vào lúc 11 giờ trưa, tất cả đại chúng trong chùa vân tập cúng cơm Phật và thực hiện nghi thức tụng Bát Nhã tâm kinh, đọc bài Đại Cúng dường, tán Phổ Cúng dường tại điện Phật. Tiếng kinh hòa trong tiếng mõ, chuông và khánh. Đây là nghi thức cúng dường Phật, bát cơm dâng Phật có ý nghĩa biểu trưng

cho tấm lòng thành kính hướng về chư Phật, ngoài ra trong nghi thức cúng Ngọ còn phổ đồng cúng dường đến chư Hiền thánh và chúng sinh trong lục đạo.

Nghi thức Quá đường: được thực hiện sau thời khóa cúng Ngọ. Trong nghi thức, dùng tiếng khánh làm hiệu lệnh và tán tụng. Trước khi thọ trai, cử hành nghi thức cúng dường Tam Bảo, quán tưởng Tam đề, Ngũ quán và sau đó giữ chính niệm trong lúc ăn. Đây là nghi cách đặc biệt trong việc tri ân và báo ân ngay trong bữa ăn. Ngoài ra, trong nghi thức Quá đường có phần cúng Xuất sanh là cúng một phần thức ăn cho đại bàng, mẹ con quỷ La Sát và các loài quỷ thần ngoài đồng trống...

Nghi thức công phu chiều: được thực hiện vào lúc 16 giờ, đây là thời khóa tụng kinh A Di Đà và Mông Sơn thí thực tại điện Phật và ban thờ Tiêu Diện Đại Sĩ ở trước sân chùa có dùng chuông, mõ, khánh, tiểu chung, bản, đại hồng chung và trống công phu. Đây là thời khóa cúng thí thực và siêu độ cho các loài cô hồn ngạ quỷ lang thang, khổ sở trong chốn u minh, nghi thức này còn mang ý nghĩa về lòng từ bi vô lượng của đạo Phật nhằm cứu độ mọi loài chúng sinh còn trôi nổi trong ba đường dữ.

Có thể nói, việc thực hiện các thời lễ: nghi thức công phu khuya, nghi thức cúng Ngọ, nghi thức Quá đường, nghi thức công phu chiều trong các chùa thuộc thiền phái Lâm Tế Gia Phổ hằng ngày là nét đặc trưng tiêu biểu của thiền phái này.

3. Đặc trưng nghi lễ Phật giáo trong thiền phái Lâm Tế Gia Phổ

3.1. Nét chung và nét riêng trong nghi lễ Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ

Nghi lễ Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ vừa chứa đựng đặc trưng của nghi lễ Phật giáo Bắc tông nhưng cũng thể hiện nét đặc trưng riêng tư tưởng của thiền phái

Khi truyền vào Việt Nam, Thiền phái Lâm Tế có những thay đổi cơ bản để thích nghi với văn hóa, phong tục tập quán bản địa. Ngoài việc thừa hưởng những phương pháp đặc thù của phong cách Trung Hoa, Thiền phái Lâm Tế ở Việt Nam còn mang một nét rất riêng của văn hóa dân tộc, tạo nên một sắc thái Thiền mới cho Phật giáo Việt Nam. Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ mang đậm đặc trưng của Phật giáo ở Nam Bộ. Điều này cho thấy, tính uyển chuyển của Phật giáo. Ở đây, ta thấy có các điểm dung hòa trong Thiền phái Lâm Tế với văn hóa truyền thống đó là: *dung hòa* Nho - Lão - Phật và *thờ cúng tổ tiên* cùng sự *dung hòa* giữa Thiền, Tịnh, Mật (Thích Trung Định,

2021). Thiên phái Lâm Tế ở Việt Nam không còn y nguyên phong thái của Thiên Lâm Tế Trung Hoa như dùng công án, tiếng hét, cú đánh,... trong thực hành và khai thị nữa mà đã dung hòa với các pháp môn khác một cách khéo léo. Như đã nêu ở trên, trong nghi lễ, các Phật tử thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đa phần đều áp dụng dung hòa Thiên - Tịnh - Mật. Người thực hành vừa thực hành thiên định vừa trì tụng công phu theo thời khóa của pháp môn Tịnh Độ. Các thiền sư vừa là thiền sư, vừa là người trì kinh, niệm Phật, trì chú. Ngoài ra, trong các nghi lễ của thiên phái Lâm Tế Gia Phổ ta thấy rõ đặc trưng này, cụ thể là các kinh sách được sử dụng trong các nghi lễ đa dạng: *Chú Lăng Nghiêm, Thập chú, kinh Di Đà, Kim Cang, Pháp Hoa, Phổ Môn, Dược sư, Địa Tạng, Mông Sơn, Lạy Tứ Ân, Tứ Thánh,...*

Trong nghi lễ Trai đàn Chân tế là pháp hội cúng chay và cầu siêu cho những vong hồn người chết không có người thờ tự, không có nơi nương tựa (được thực hiện ở hai nơi gồm ở điện Phật và ở đàn thí thực) cũng thể hiện sự áp dụng tôn chỉ Thiên - Mật - Tịnh. Đàn tràng được bố trí theo hình thức của một Mạn - đà - la, ngũ phương Phật, gồm: Trung Ương Thế giới Tỳ Lô Giá Na Phật, Đông phương là A Súc Phật, Nam phương là Bảo Sanh Phật, Tây phương Thế giới Di Đà Phật, Bắc phương Thế giới Thành Tựu Phật. Ngoài ra còn có Bàn Tiêu diện (Diện Nhiên Đại sĩ thống lĩnh các âm linh cô hồn về nghe pháp và thọ hưởng vị cam lồ). Chư tăng ngồi ở bên trong, phía sau tượng Phật Thích Ca để thực hành nghi lễ. Nếu như Thiên chú trọng tự lực, Tịnh chú trọng tha lực, Mật phối hợp cả hai để cuối cùng thấy Tự và Tha chỉ là một. Hay trong các thời công phu hành trì hằng ngày: thời công phu sáng gồm chú Lăng Nghiêm, Kinh hành, niệm Phật; thời công phu chiều tụng *kinh A Di Đà* phát nguyện vãng sinh tịnh độ; tối có thời tọa thiền. Như vậy, trong một ngày hành giả thực hành trọn vẹn cả Thiên - Tịnh - Mật. Thiên bổ sung cho Tịnh, Tịnh bổ sung cho Thiên, trì chú cũng đưa đến an định tâm.

3.2. Tinh trang nghiêm của nghi lễ Phật giáo trong thiên phái Lâm Tế Gia Phổ

Nghiêm là cốt của lễ, để lễ được trang nghiêm thì lễ phải có nghi. Trong các nghi lễ Phật giáo của Thiên phái Lâm Tế Gia Phổ, yếu tố trang nghiêm được đặt lên hàng đầu. Trang nghiêm là giữ nhang thơm, đèn sáng, nước sạch, hoa tươi, quả tốt; thanh tịnh là sạch sẽ, chần chu, tươm tất, gọn gàng. Không gian cử hành nghi lễ phải được bài trí tôn nghiêm, sạch sẽ, thoáng mát. Chủ sám và Ban kinh sư thực hiện nghi lễ phải trang nghiêm tự thân bằng cách chỉnh y trang phục,

thân tướng trang nghiêm. Đặc biệt, khi cử hành nghi lễ, các chư tăng của Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ đầu đội mào, tỳ lô, mào quán âm, mào hiệp chuông Hoa sen,... mặc y áo nghi lễ đồng phục giống nhau, tập trung cao độ cho nghi lễ nên trông rất trang nghiêm. Tính trang nghiêm cũng được thể hiện ở tính chất buổi lễ: nguyên tắc của lễ tang là *Tang trí kỳ ai*, cử hành nghi lễ trong lễ tang phải nghiêm túc, trang trọng, thể hiện sự thành kính phân ưu cùng gia chủ; Lễ cưới là *Hôn trí kỳ hỷ tức* vui vẻ, tròn đầy;...

Ảnh 1: Lễ trai đàn chẩn tế kỳ siêu tại chùa Long Thắng, Thành phố Cần Thơ năm 2019 (*Tác giả thực hành nghi lễ*)



Ảnh 2: Lễ khai đàn Dược sư, ngày mùng 1 tháng Giêng năm 2024, tại chùa Quốc Ân Khai Tường (tỉnh Đồng Nai)



3.3. Tính khế lý, khế cơ của nghi lễ Phật giáo trong thiền phái Lâm Tế Gia Phổ

Trong Phật giáo, tinh thần khế lý, khế cơ được hiểu: “lý” tức là chân lý của Đức Phật thuyết, “khế” có nghĩa là hợp. Khế lý là luôn luôn hợp với chân lý, hợp với sự thật, dù hàng ngàn, hàng triệu năm sau vẫn không sai. Khế cơ có nghĩa là phải đảm bảo phù hợp với căn cơ, trình độ, tâm lý của chúng sinh. Trong quá trình truyền bá, lời Pháp của Đức Phật được linh hoạt, uyển chuyển sao cho hợp với từng địa phương, từng hoàn cảnh, môi trường. Với trí tuệ của Đức Phật, Ngài còn có thể thấu suốt trình độ của từng chúng sinh để tùy duyên nói pháp.

Đối với nghi lễ Phật giáo nói chung, nghi lễ của Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ nói riêng, tinh thần Phật giáo qua nghi lễ không thay đổi, đó là nghi lễ thể hiện niềm tin vào lòng tôn kính với đức Phật, các vị Bồ tát và các vị Thánh hiền. Sự trang trọng, thanh tịnh phải được đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, cử hành khóa lễ cũng cần chú ý sao cho phù hợp căn cơ, tâm lý của người dự lễ thì kết quả mới tốt đẹp. Ví dụ, trong một lễ tang, trong trường hợp tang gia hiểu quyền có thể chưa biết đến Phật giáo, chưa phải là tín đồ Phật giáo, nhưng khi gia đình có tang sự, họ có nhu cầu thỉnh thầy về làm lễ. Trong bối cảnh này, cần thực hiện các nghi lễ chính, thể hiện rõ nét những tư tưởng chính của Phật giáo. Trong trường hợp tang gia hiểu quyền là những gia đình thuần thành, mộ Phật, hiểu đạo, nghi thức cần chi tiết, đầy đủ. Trong nghi lễ, vị chủ lễ phải quan sát tâm lý để thiện xảo phương tiện, tùy thuận chúng duyên, buổi lễ có thể cử hành trong thời gian phù hợp và những tiết chính của buổi lễ thì không được bỏ qua.

Trong bối cảnh hiện nay, các nghi lễ Phật giáo còn có các nghi thức “hành chính” phù hợp với điều kiện thực tế. Như trong các nghi lễ ở các chùa, còn có các đoàn đại biểu của chính quyền, quan khách, có các nghi thức, nghi tiết như tuyên đọc thông điệp, đọc diễn văn, phát biểu của quan khách, dâng hoa cúng dường. Hay như trong nghi lễ cúng trai tăng luật không nên cho phép kiết trai trước khi thọ trai vì như thế, khi thọ trai chư tăng không còn nhất tâm cầu nguyện mà vừa ăn vừa trò chuyện ồn ào náo nhiệt mất thanh tịnh trang nghiêm buổi lễ cúng dường.

3.4. Tính văn hóa vùng Nam Bộ trong nghi lễ Phật giáo Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ

Phật giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa và chế độ phong kiến nên có tư tưởng Khổng giáo, Lão giáo và tín ngưỡng dân gian. Do đó, nghi lễ của Phật giáo phát triển và khá phức tạp. Thiền

phái Lâm Tế Gia Phổ có nguồn gốc từ Trung Hoa, nên các nghi lễ thể hiện đặc trưng của sự dung hợp giữa Phật giáo Trung Quốc với văn hóa bản địa khu vực Nam Bộ.

Ngay từ những ngày đầu du nhập, tinh thần hoàng pháp của Thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong được thể hiện ở việc xây chùa, thuyết pháp và tụng đọc kinh điển. Ngoài ra, các hình thức nghi lễ và các tập tục thờ cúng theo truyền thống Lâm Tế cũng được các nhà sư người Trung Hoa tiếp biến thuận theo phong tục tín ngưỡng của người Việt. Sau đó, các nhà sư người Việt đã chỉnh sửa dần trở thành loại hình văn hóa Phật giáo của người Việt, từ đó các lễ hội văn hóa tín ngưỡng ở mỗi vùng miền của Đàng Trong khi thực hành các nghi lễ đều có bóng dáng của thiền phái Lâm tế, bởi vì tinh thần của người Việt “Đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt” đã ăn sâu vào tư tưởng của họ, nên ở đâu có người ở, nơi đó có làng xã và có ít nhất một ngôi chùa cùng với đình miếu; và truyền thống “Mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống muôn đời của tổ tông” luôn được vun đắp theo chiều dài lịch sử của dân tộc [Thích Đạt Ma Hồng Đăng, 2023].

Khi nghiên cứu về nghi lễ Phật giáo Việt Nam các vùng miền chúng ta sẽ thấy nghi lễ thể hiện rất rõ nét đặc trưng văn hóa từng vùng miền. Âm điệu nghi lễ Phật giáo miền Bắc chịu ảnh hưởng của các loại hình văn nghệ Bắc Bộ như chèo, quan họ, chầu văn; miền Trung ảnh hưởng của âm nhạc cung đình, nghệ thuật hò Huế hay hát bội Bình Định; miền Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa dân gian Nam Bộ. Âm nhạc trong nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ mang đậm dấu ấn văn hóa Nam Bộ. Những điệu nhạc cung đình, ca ra bộ², hát bội, hò vè, hát ru, và cả Hò Quảng của người Hoa... Cụ thể, trong nghi lễ Trai đàn chân tế kỳ siêu (như ảnh trên), có sử dụng các nhạc cụ dân gian như đàn nhị (cò), đàn sến, kèn thao, trống, sáo. Một điểm đáng chú ý là tác giả vừa là người thực hành nghi lễ, vừa biết chơi các nhạc cụ dân gian, đồng thời cũng là người đào tạo Ban nhạc lễ của chùa.

Kết luận

Nghi lễ Phật giáo nói chung, nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phổ nói riêng từ xưa đã được các chư vị Tổ sư vận dụng giáo lý Phật giáo một cách linh hoạt vào nền văn hóa Việt Nam, phù hợp với tâm lý, hoàn cảnh của con người Việt Nam mà lập ra những lễ nghi tương đồng với bản sắc văn hóa dân tộc, từ đó, phổ biến những bài kinh, câu kệ, đưa vào những giai điệu âm nhạc dân tộc nhằm mục đích khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến. Đồng thời, làm hình thành bộ môn nghi lễ có quy thức và được phổ cập trong chốn thiền môn, giúp cho sự ứng phó đạo tràng luôn hài hòa với đặc tính quần chúng, làm gắn bó thêm giữa đạo và đời.

Nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phả mang những nét đặc trưng chung của Phật giáo Bắc truyền, nhưng cũng có nét đặc trưng riêng về tư tưởng (đó là sự dung hòa Nho - Lão - Phật và thờ cúng tổ tiên, dung hòa giữa Thiền, Tịnh, Mật). Đặc biệt, nghi lễ chú trọng tính trang nghiêm, tính khế lý, khế cơ khi cử hành khóa lễ để phù hợp căn cơ, tâm lý của người dự lễ, phù hợp với bối cảnh hiện nay, khi bên cạnh các nghi lễ Phật giáo còn có các nghi thức “hành chính” với sự tham gia, tham dự của chính quyền địa phương,...

Bên cạnh đó, mặc dù Phật giáo không đặt nặng về hình thức nghi lễ, tuy nhiên, nghi lễ rất cần thiết nhằm duy trì và phát triển đạo pháp. Hiện nay, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra tại Việt Nam, cùng với đó, sự phát triển đáng kể số lượng các chư tăng, ni, Phật tử trong các chùa, tự viện, đã đặt ra vấn đề cần bảo tồn các giá trị của nghi lễ Phật giáo nói chung và nghi lễ Thiền phái Lâm Tế Gia Phả nói riêng. Trên thực tế, hiện nay vẫn còn có một số tăng, ni, đặc biệt là tăng, ni trẻ sử dụng pháp phục trong nghi lễ một cách tùy tiện và thiếu hiểu biết. Sắc phục, pháp phục sử dụng trong nghi lễ khá tùy tiện về màu sắc, kiểu dáng, kiểu thức không thống nhất. Hay còn có hiện tượng tổ chức nghi lễ mang tính hình thức, kiểu cách, phô trương, thiếu tính trang nghiêm, kết hợp lộn xộn các yếu tố của các môn phái khác nhau,... Do vậy, bảo tồn và phát huy giá trị vật thể và phi vật thể của nghi lễ Phật giáo nói chung, nghi lễ Phật giáo trong Thiền phái Lâm Tế Gia Phả nói riêng, là việc làm cần đến sự quan tâm, định hướng và các hoạt động cụ thể của các cấp, ban ngành Giáo hội Phật giáo Việt Nam./.

CHÚ THÍCH:

1. Cuốn sách kỷ yếu được in từ các bài tham luận của “*Hội thảo khoa học Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh lịch sử hình thành và phát triển*” do Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam kết hợp với Ban điều hành Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tỉnh Quảng Nam tổ chức năm 2020.
2. Ca ra bộ tức là ca theo lối kể chuyện, lấy lời ca làm lời để kể cho khán thính giả nghe, là hình thức quá độ từ ca nhạc tài tử (nghệ dự) và thính phòng sang nghệ thuật sân khấu cải lương. Ra đời khoảng những năm 1915 - 1916.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thích Đồng Bổn, Chu Văn Tuấn (2023), *Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh: Lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb. Lao Động.
2. Đoàn Thị Thanh Dung, Trương Thị Việt Trinh (2023), Thiền phái Lâm Tế và những đặc trưng tư tưởng thiền học của Thiền phái Lâm Tế Nam Hà, *Tạp*

- chí Nghiên cứu Phật học*, [https:// tapchi.nghiencuu.phathoc.vn/thien-phai-lam-te-va-dac-trung-tu-tuong-thien-hoc-cua-thien-phai-lam-te-nam-ha.html](https://tapchi.nghiencuu.phathoc.vn/thien-phai-lam-te-va-dac-trung-tu-tuong-thien-hoc-cua-thien-phai-lam-te-nam-ha.html), ngày đăng tải 28/12/2023, ngày truy cập 8/6/2024.
3. Thích Đạt Ma Hồng Đăng (2023), Quá trình Việt hóa Thiên phái Lâm Tế Đàng Trong, <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/qua-trinh-viet-hoa-thien-phai-lam-te-o-dang-trong.html>, ngày đăng tải 14/9/2023, ngày truy cập 18/6/2024.
 4. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
 5. Thích Trung Định (2021), Đặc tính tư tưởng của Thiên phái Lâm Tế ở Việt Nam, <https://thuvienhoasen.org/p58a35863/7/dac-tinh-tu-tuong-cua-thien-phai-lam-te-o-viet-nam>, ngày đăng tải 29/4/2021, ngày truy cập 4/7/2024.
 6. Thích Trí Giác (1972), *Nghi Lễ Phật Giáo*, Tỉnh Hội Phật Giáo Quảng Nam ấn hành.
 7. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2011), *Pháp Uyển Châu Lâm*, Nxb. Hồng Đức.
 8. Thích Chơn Hỷ (2014), *Thiền Lâm Nghi thức*, Nxb. Tôn giáo.
 9. Thích Thanh Kiểm (1991), *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản.
 10. *Kinh Hoa Nghiệm*, phẩm 18: Minh Pháp, (Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch) file:///C:/Users/admin/Documents/Zalo%20Received%20Files/Kinh%20Hoa%20Nghi%20Ph%20E1%BA%A9m%2018_%20Minh%20Ph%20C3%A1p%20C2%BB%20C4%90%20E1%BA%A1i%20Th%20E1%BB%A Ba.pdf, ngày truy cập 5/7/2024.
 11. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I-II-III*, Nxb. Văn học.
 12. *Lâm Tế Ngữ lục* (1993), Thích Duy Lực dịch, Từ ân Thiền đường Hoa Kỳ xuất bản, <https://thuvienhoasen.org/a16715/lam-te-ngu-luc>, ngày đăng tải 30-1-2010, ngày truy cập 23-7-2024.
 13. Thích Huệ Minh (2022), Phát huy những giá trị tâm linh và xã hội trong nghi lễ Phật giáo, <https://phatgiao.org.vn/phat-huy-nhung-gia-tri-tam-linh-va-xa-hoi-trong-nghi-le-phat-giao-d53971.html>, ngày đăng tải 1/6/2022, ngày truy cập 19/6/2024.
 14. *Minh Tâm Bảo Giám* (1998), Tạ Thanh Bạch dịch chú, Nxb Văn học.
 15. Thích Minh Quang (2022), “Ý nghĩa và tầm quan trọng của nghi lễ Phật giáo”, Trong: *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ (2022-2027)*, <https://vbgh.vn/laws/detail/69-y-nghia-va-tam-quan-trong-cua-nghi-le-phat-giao>, ngày đăng tải 20/11/2022, ngày truy cập 15/6/2024.
 16. Thích Trúc Thông Quảng (2016), *Thiền tông Lâm Tế, Tào Động*, Nxb. Tôn giáo.
 17. Thích Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo.
 18. Thích Phước Trí (2014) *Trú Trì và Nghi lễ Bắc Tông*, Nxb Hồng Đức.
 19. Phan Trương Quốc Trung, Nguyễn Hữu Sứ (2017), Tìm hiểu hành trạng Thiền sư Bản Quả - Khoáng Viên, vị thầy của sư Nguyễn Thiều Hoán Bích, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 9, tr. 17-31.

- 20.Thích Đức Trường (2022), *Các thiền phái và bài kệ truyền thừa Phật giáo vùng Nam Bộ*, <https://phatgiao.org.vn/cac-thien-phai-va-bai-ke-truyen-thua-phat-giao-vung-nam-bo-d50408.html>, ngày đăng tải 26-4-2022, ngày truy cập 10-6-2024.
- 21.Nguyễn Chí Trung (2023), Ảnh hưởng của Thiền phái Lâm TếChức Thánh đến đời sống Văn hoá dân gian ở Hội An, *Tạp chí Văn hóa Phật giáo*, <https://tapchivanhoaphatgiao.com/luu-tru/19477>, ngày đăng tải 29-3-2023, ngày truy cập 14-6-2024.
- 22.Dịch giả Tỳ kheo Thích Hành Trụ (1970), *Sa - Di Luật Giải Thượng - Hạ*, Nxb. Sen Vàng.
- 23.Thích Tâm Ý (2022), “Ảnh hưởng của Thiền phái Lâm TếLiễu Quán ở Phú Yên”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, [https:// tapchinhiencuiuphathoc.vn/nhung-anh-huong-cua-thien-phai-lam-te-lieu-quan-o-vung-dat-phu-yen.html](https://tapchinhiencuiuphathoc.vn/nhung-anh-huong-cua-thien-phai-lam-te-lieu-quan-o-vung-dat-phu-yen.html), ngày đăng tải 2/6/2022, ngày truy cập 19/6/2024.

Abstract

BUDDHIST RITUALS OF THE LAM TE GIA PHO ZEN SCHOOL

Huynh Van Ut (Thich Thien Hue)

*Master's student, University of Social Sciences and
Humanities- VNU Hanoi*

Buddhist teachings have been applied to Vietnamese culture through Buddhist rituals in general and the Lam Te Gia Pho Zen school's rituals in particular by the Ancestral monks since ancient times. Deeply understanding the psychology of the Vietnamese people, the Ancestral monks established rituals suitable to the national cultural identity to popularize sutras, verses, and national musical melodies to enlighten human beings. Then, it formed a formal ritual popularized in Zen school, harmony with the characteristics of the masses, strengthening the bond between religion and life. Buddhist rituals of the Lam Te Gia Pho Zen school have common features of Mahayana but also have their characteristics. The article presents the rituals of the Lam Te Gia Pho Zen school according to three topics such as 1/ Structure of the ritual; 2/ General order of the ritual and 3/ Characteristics of the ritual.

Keywords: Buddhism, Rituals, Lam Te Zen School, Lam Te Gia Pho Zen School.